

Bản tin Phân tích kỹ thuật

22/10/2025

Vietcap 



Vũ Minh Đức

Phó Giám đốc

duc.vu@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588 ext.363

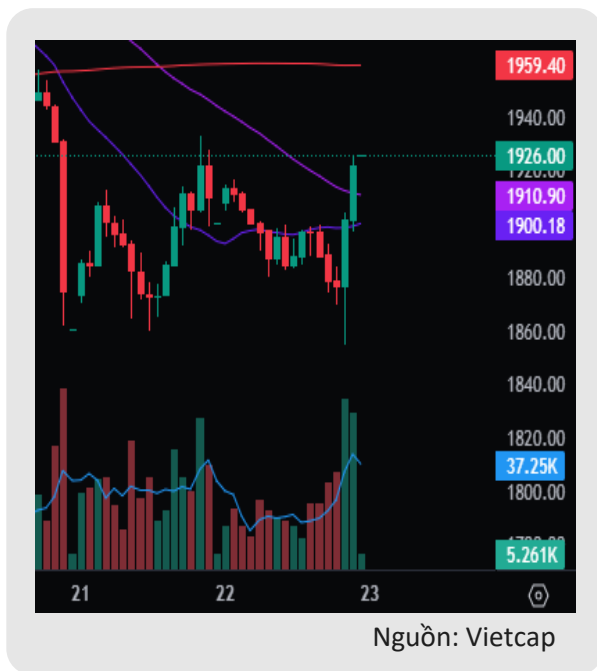
Lê Hải Đăng

Chuyên viên

dang.le@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Hợp đồng 41I1FB000 đóng cửa vượt các đường MA20 và MA50, xác nhận tín hiệu suy yếu của áp lực điều chỉnh. (M15)
- Vị thế chờ mua được mở tại ngưỡng 1.920 điểm với mục tiêu là vùng 1.935 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.910 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (B): 1.920 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.935 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.910 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Tích cực
VNMid	Tiêu cực	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Trung tính



Nguồn: Vietcap

- Chỉ số VN-Index đảo chiều tăng giá về cuối ngày sau khi tiếp cận vùng 1.620 điểm. Các chỉ số VN30, VNMidcap và VNSmallcap đều có sự vận động tương tự trên khối lượng giao dịch thấp. Trong ngắn hạn, tín hiệu Tiêu cực vẫn duy trì trên tất cả các rổ chỉ số.
- Sau phiên giảm 20/10, tín hiệu kỹ thuật trên sàn HOSE ngưng chuyển biến xấu trong hai phiên gần đây nhưng cũng chưa ghi nhận sự cải thiện trên diện rộng. Số cổ phiếu có xu hướng tăng ở nhóm Ngân hàng, Bất động sản, Chứng khoán, Vật liệu vẫn ở mức thấp, chiếm 10%, 16%, 4%, 16% toàn ngành. Về hoạt động giao dịch, áp lực bán phần lớn thời gian trong ngày được tiết chế ở mức thấp nhưng sự hiện diện của lực mua quanh 1.620 điểm cũng chỉ ở mức thăm dò.
- Vùng hỗ trợ 1.620 điểm tiếp tục được duy trì và tín hiệu tạo đáy ngắn hạn sẽ được củng cố nếu hoạt động mua gia tăng trong thời gian tới. Dựa trên mức thanh khoản thấp ở phiên 22/10, chỉ số VN-Index sẽ dao động trong biên độ hẹp hơn các phiên trước (1.670-1.695 điểm) trong phiên 23/10 và hoạt động giằng co sẽ chiếm phần lớn thời gian trong ngày.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	113,000	1.89%	-8.87%	464,138	2.126	6,984	2.2	16.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
GAS	59,000	5.36%	0.00%	142,364	1.845	5,002	2.1	11.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	97,000	4.30%	8.26%	165,240	1.720	5,092	5.0	19.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	26,500	4.33%	-3.46%	106,000	1.111	1,331	1.9	19.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	27,300	3.80%	-3.53%	84,644	0.779	-16	1.5	-1,697.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
CTG	50,500	1.10%	-7.85%	271,185	0.722	5,608	1.7	9.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
LPB	49,900	1.84%	-3.29%	149,065	0.662	3,469	3.4	14.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	59,600	0.51%	-4.64%	497,998	0.610	4,148	2.3	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TCB	38,000	0.93%	-6.86%	269,277	0.606	3,112	1.6	12.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MWG	84,500	1.81%	1.44%	124,930	0.546	3,304	4.2	25.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHB	16,650	-2.06%	-8.52%	76,485	-0.381	2,388	1.2	7.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VIC	203,000	-0.20%	-3.10%	782,162	-0.372	3,487	5.4	58.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	79,000	1.28%	-4.24%	114,227	0.354	1,860	3.5	42.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MBB	25,450	0.59%	-6.61%	205,000	0.294	3,046	1.7	8.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLX	34,250	2.70%	1.63%	43,518	0.284	1,661	1.7	20.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CEO	31,400	9.79%	-0.95%	17,817	1.388	354	2.9	88.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	16,000	5.96%	-5.88%	17,093	0.811	174	2.0	91.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KSF	86,600	-1.14%	-3.88%	77,922	-0.708	4,851	6.6	17.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PVS	30,300	4.48%	-0.66%	14,482	0.517	2,644	1.0	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	68,200	3.96%	-0.44%	15,975	0.504	4,086	1.9	16.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	180,500	-1.26%	16.53%	36,100	-0.361	7,830	9.0	23.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DTK	12,200	4.27%	1.67%	8,330	0.283	1,131	1.0	10.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	15,800	5.33%	-1.86%	5,530	0.235	746	1.2	21.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MBS	29,800	1.02%	-12.35%	19,629	0.159	1,682	2.8	17.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
THD	27,800	1.83%	4.12%	10,703	0.156	226	2.5	123.3	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

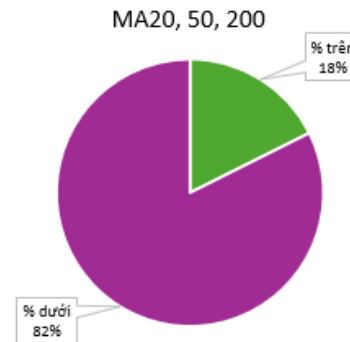
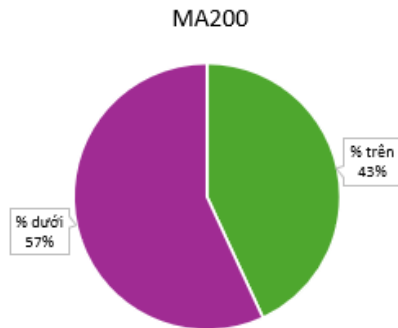
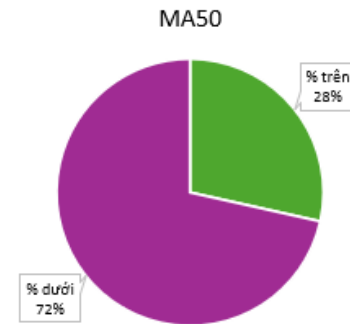
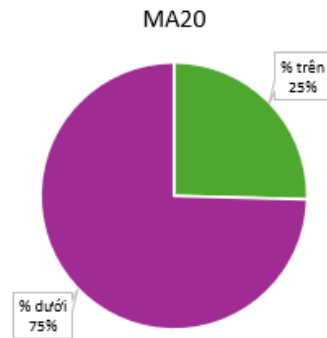
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	53,500	3.88%	0.75%	191,525	0.300	2,751	3.0	19.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	68,800	-2.41%	4.88%	211,307	-0.205	1,913	5.6	36.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MCH	143,000	1.63%	-3.96%	150,730	0.099	9,003	8.9	15.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	44,700	-2.83%	-12.18%	53,576	-0.061	1,312	4.1	34.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGB	14,100	8.46%	7.83%	13,008	0.044	679	2.1	19.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCR	39,000	11.75%	-9.30%	8,190	0.039	-103	5.2	-379.2	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
MSR	27,100	3.04%	-3.90%	29,250	0.036	-707	2.5	-37.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEF	145,800	-3.48%	-6.53%	24,294	-0.034	96,113	2.0	1.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ABB	13,300	5.56%	3.91%	13,318	0.030	1,228	0.9	10.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
FOX	64,800	1.25%	5.37%	47,853	0.024	4,151	5.1	15.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VJC	180,200	0.1%	524.7	349.0	79,100	180,000	4.5	52.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	174,000	3.0%	27.1	17.8	102,155	169,000	4.5	11.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHG	105,100	4.0%	11.7	1.3	84,556	103,400	3.6	15.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HT1	20,100	6.9%	55.3	12.9	9,249	19,050	1.5	37.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DDV	36,300	7.1%	102.9	36.8	13,553	35,000	2.5	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	31,000	6.9%	36.5	25.2	19,850	30,400	1.5	53.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HHP	12,150	5.2%	9.3	3.2	8,140	11,600	1.1	29.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHA	53,400	3.5%	8.7	5.5	33,590	52,499	1.7	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DHG	105,100	4.0%	11.7	1.3	84,556	103,400	3.6	15.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			22/10/2025	21/10/2025	20/10/2025	17/10/2025	16/10/2025	15/10/2025	14/10/2025	13/10/2025	10/10/2025	09/10/2025
VNINDEX	MA200	Trên	49%	47%	45%	55%	58%	56%	59%	62%	62%	63%
		Dưới	51%	53%	55%	45%	42%	44%	41%	38%	38%	37%
	MA50	Trên	23%	20%	19%	32%	35%	32%	32%	35%	39%	38%
		Dưới	77%	80%	81%	68%	65%	68%	68%	65%	61%	62%
	MA20	Trên	23%	18%	15%	29%	34%	28%	27%	34%	36%	34%
		Dưới	77%	82%	85%	71%	66%	72%	73%	66%	64%	66%
VN30	MA200	Trên	63%	67%	63%	73%	73%	73%	77%	77%	77%	77%
		Dưới	37%	33%	37%	27%	27%	27%	23%	23%	23%	23%
	MA50	Trên	23%	23%	20%	47%	57%	60%	60%	60%	67%	63%
		Dưới	77%	77%	80%	53%	43%	40%	40%	40%	33%	37%
	MA20	Trên	27%	20%	13%	47%	67%	67%	60%	77%	70%	70%
		Dưới	73%	80%	87%	53%	33%	33%	40%	23%	30%	30%
HNX	MA200	Trên	45%	45%	45%	50%	51%	53%	53%	54%	56%	55%
		Dưới	55%	55%	55%	50%	49%	47%	47%	46%	44%	45%
	MA50	Trên	32%	31%	29%	34%	36%	35%	37%	36%	36%	38%
		Dưới	68%	69%	71%	66%	64%	65%	63%	64%	64%	62%
	MA20	Trên	45%	45%	45%	50%	51%	53%	53%	54%	56%	55%
		Dưới	55%	55%	55%	50%	49%	47%	47%	46%	44%	45%
UPCOM	MA200	Trên	27%	27%	28%	31%	29%	29%	31%	34%	34%	34%
		Dưới	73%	73%	72%	69%	71%	71%	69%	66%	66%	66%
	MA50	Trên	30%	31%	32%	34%	34%	34%	34%	36%	36%	36%
		Dưới	70%	69%	68%	66%	66%	66%	66%	64%	64%	64%
	MA20	Trên	40%	39%	39%	42%	43%	43%	44%	44%	45%	45%
		Dưới	60%	61%	61%	58%	57%	57%	56%	56%	55%	55%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 10															Tháng 9				
		22 ↓	21	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01	30	29	26	25
✓ 1	Bất động sản	65	67	75	82	78	74	74	72	67	62	61	61	55	54	59	64	68	69	72	70
2	Bán lẻ	57	51	53	61	63	62	61	62	63	59	55	53	42	37	39	42	40	43	51	55
3	Ngân hàng	54	53	61	68	74	73	74	77	77	74	71	73	65	59	59	58	58	57	63	64
4	Y tế	53	49	62	57	60	61	63	67	72	62	62	58	56	56	58	63	63	66	67	70
! 5	Xây dựng và Vật liệu	51	52	56	59	55	55	58	62	63	62	63	62	56	56	59	62	66	70	75	74
✖ 6	Tài nguyên Cơ bản	49	44	46	50	51	52	52	56	59	58	59	61	58	57	55	58	64	68	71	73
! 7	Dịch vụ tài chính	47	48	53	60	60	59	60	62	61	62	63	63	51	44	49	50	48	48	60	61
✖ 8	Thực phẩm và đồ uống...	47	45	49	52	53	54	56	61	61	62	60	61	57	53	56	55	52	52	59	60
✖ 9	Du lịch và Giải trí	47	45	47	53	56	58	58	59	54	54	55	45	40	38	47	47	45	43	44	44
10	Hàng & Dịch vụ Cộn...	45	41	40	43	44	44	41	43	46	47	47	50	45	41	42	43	45	43	52	51
✖ 11	Bảo hiểm	35	28	31	35	35	36	37	42	47	50	51	56	51	52	54	59	54	52	50	44
12	Dầu khí	35	31	33	37	37	30	33	37	46	41	34	36	31	33	35	35	44	48	51	49
✖ 13	Ô tô và phụ tùng	34	34	29	32	34	32	34	37	40	41	40	40	38	38	40	39	40	42	48	49
✖ 14	Điện, nước & xăng d...	31	25	27	35	36	36	39	41	43	44	44	45	45	45	48	50	50	52	55	56
✖ 15	Công nghệ Thông tin	29	20	14	14	16	18	21	24	29	30	29	31	29	29	28	30	35	36	46	52
✖ 16	Hóa chất	29	23	26	29	30	32	34	39	40	37	35	36	34	34	38	38	40	43	48	49
✖ 17	Hàng cá nhân & Gia ...	27	22	24	29	28	27	28	32	33	31	31	33	26	25	26	28	32	35	40	41

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HDB	32,500	0.5%	-1.8%	124,941	2.0	8.0	4,083	397.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
MWG	84,500	1.8%	1.4%	124,930	4.2	25.6	3,304	681.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	180,200	0.1%	10.5%	106,608	4.5	52.6	3,427	524.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	181,800	0.4%	9.7%	66,539	8.9	20.0	9,095	105.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	180,500	-1.3%	16.5%	36,100	9.0	23.1	7,830	11.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	144,400	4.5%	1.7%	24,592	8.6	45.7	3,163	135.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
NVB	15,500	0.6%	4.7%	18,207	2.8	-3.1	-5,056	5.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CEO	31,400	9.8%	-0.9%	17,817	2.9	88.6	354	1,113.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	174,000	3.0%	23.1%	14,244	4.5	11.9	14,639	27.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHG	105,100	4.0%	3.4%	13,741	3.6	15.9	6,611	11.7	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ABB	13,300	5.6%	3.9%	13,318	0.9	10.5	1,228	60.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
NTP	66,100	1.1%	4.9%	11,306	3.0	12.3	5,384	38.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
KLB	16,800	0.6%	6.3%	9,588	1.2	6.4	2,609	6.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HT1	20,100	6.9%	17.2%	7,670	1.5	37.4	538	55.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DDV	36,300	7.1%	12.4%	5,208	2.5	9.4	3,787	102.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KHG	7,110	3.0%	-0.6%	3,195	0.6	52.4	136	90.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
NTL	19,550	1.3%	6.3%	2,385	1.4	-99.2	-197	55.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
VVS	51,000	1.4%	12.6%	1,105	2.2	6.3	8,200	6.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	12,150	5.2%	12.5%	1,052	1.1	29.6	410	9.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHA	53,400	3.5%	6.8%	786	1.7	9.8	5,467	8.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCI	37,500	-0.5%	-12.3%	27,098	2.1	23.6	1,589	401.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VGC	46,450	3.0%	-10.7%	20,826	2.3	15.0	3,090	46.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HSG	16,550	-0.3%	-10.3%	10,277	0.9	22.0	751	87.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,300	-1.7%	-9.6%	5,274	1.7	16.6	1,763	23.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	28,000	0.2%	-3.4%	3,137	1.4	10.4	2,693	17.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AGG	16,000	0.0%	-9.6%	2,600	0.8	15.8	1,012	14.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HBC	6,400	1.6%	-5.9%	2,182	1.2	11.7	539	8.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HQC	3,140	-0.3%	-7.6%	1,811	0.3	65.5	48	11.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAX	10,150	3.0%	-8.1%	1,091	1.0	174.3	58	10.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	59,600	0.5%	-4.6%	497,998	2.3	14.4	4,148	276.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BID	37,200	0.4%	-5.5%	261,195	1.7	10.1	3,683	146.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VNM	56,300	-0.4%	-7.3%	117,664	3.7	13.7	4,101	216.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SSB	18,250	-1.6%	-3.9%	51,921	1.3	7.6	2,416	47.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVH	49,300	0.6%	-3.3%	36,597	1.5	15.0	3,278	7.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	91,000	2.0%	-4.2%	34,560	2.3	11.1	8,175	217.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	61,800	0.5%	-4.5%	33,474	1.7	14.0	4,417	16.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	51,100	-1.7%	-1.7%	14,809	2.2	275.9	185	6.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	35,500	0.0%	-4.6%	13,472	2.4	8.9	3,977	67.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSI	41,100	-1.0%	-5.9%	10,085	1.9	20.6	1,996	23.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BAF	32,900	-0.6%	-3.9%	10,002	2.3	16.6	1,981	47.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
IDC	35,500	0.00%	-4.57%	56,100	58.0%	3,977	2.4	8.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	32,200	1.42%	-5.57%	47,100	46.3%	716	2.1	45.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SZC	29,300	-1.68%	-9.57%	42,400	44.7%	1,763	1.7	16.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	14,000	-2.78%	-10.26%	20,000	42.9%	85	0.7	165.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
SIP	52,400	1.75%	-2.96%	73,900	41.0%	5,215	2.7	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	22,350	-0.67%	-6.09%	31,100	39.1%	1,189	1.4	18.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	53,500	3.88%	0.75%	74,300	38.9%	2,751	3.0	19.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	91,000	2.02%	-4.21%	126,000	38.5%	8,175	2.3	11.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	46,450	2.99%	-10.67%	64,100	38.0%	3,090	2.3	15.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	19,000	2.43%	0.53%	26,200	37.9%	1,579	1.0	12.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NLG	37,500	2.04%	4.14%	51,600	37.6%	1,701	1.9	22.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực
PVS	30,300	4.48%	-0.66%	41,600	37.3%	2,644	1.0	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	34,450	1.92%	1.32%	46,600	35.3%	3,186	1.8	10.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PHR	50,600	0.80%	-5.07%	67,400	33.2%	3,756	1.8	13.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,700	-0.37%	-5.49%	35,300	32.2%	1,750	1.7	15.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VCB	59,600	0.51%	-4.64%	77,600	30.2%	4,148	2.3	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SAB	44,800	0.79%	-0.99%	58,000	29.5%	3,185	2.7	14.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	10,900	2.35%	-5.22%	14,100	29.4%	566	1.0	19.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GAS	59,000	5.36%	0.00%	76,100	29.0%	5,002	2.1	11.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	35,550	-1.25%	0.14%	45,800	28.8%	2,940	1.3	12.1	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn